

Số: 270/CV-VVT

Tân Bình, ngày 28 tháng 10 năm 2024

Về việc phân bổ dự toán chi NSNN  
năm 2024

**PHÂN BỐ BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NSNN  
NĂM 2024 ( lần 2)**

Kính gửi: Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Tân Bình

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2024 của UBND quận Tân Bình về điều chỉnh, phân bổ bổ sung dự toán chi Ngân sách Nhà nước năm 2024.

Căn cứ chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước hiện hành;

Trường THCS Võ Văn Tần phân bổ bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 như sau (đính kèm mẫu biểu số 49).

Đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm tra phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 của Trường THCS Võ Văn Tần.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- KBNN QTB;
- Lưu: VT.



**THỦ TRƯỞNG**

Hồ Vĩnh Thịnh



Đơn vị: **TRƯỜNG THCS VÕ VĂN TẦN**

Chương: **622**

Mẫu biểu số 49

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024**  
(Kèm theo quyết định số: 630/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 UBND quận Tân Bình)

Chương: **622**

Loại: **070**

Khoản: **073**

Đơn vị: **đồng**

| STT | Nội dung                                                                                                                                                                     | Tổng số     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| A   | B                                                                                                                                                                            | 1           |
| I   | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí                                                                                                                                  |             |
| 1   | Số thu phí, lệ phí                                                                                                                                                           |             |
| 2   | Chi từ nguồn thu phí được để lại                                                                                                                                             |             |
| 2.1 | Chi sự nghiệp .....                                                                                                                                                          |             |
| 2.2 | Chi quản lý hành chính                                                                                                                                                       |             |
| 3   | Số phí, lệ phí nộp NSNN                                                                                                                                                      |             |
| 3.1 | Lệ phí                                                                                                                                                                       |             |
| 3.2 | Phí                                                                                                                                                                          |             |
| II  | Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)                                                                                                                                           | 222.885.000 |
| 1   | Chi quản lý hành chính                                                                                                                                                       |             |
| 2   | Nghiên cứu khoa học (cấp huyện không có nội dung này)                                                                                                                        |             |
| 3   | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề                                                                                                                                    | 222.885.000 |
| 3.1 | Kinh phí tạm phân bổ dự toán chi thường xuyên giao tự chủ vào dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ do chưa phê duyệt phương án tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP) | 0           |
| 3.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                                                                                                         | 222.885.000 |
|     | Kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ ( Tiền phụ trội)                                                                                                           | 222.885.000 |
| 3.3 | Nguồn cải cách tiền lương                                                                                                                                                    | 0           |
|     | - Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND                                                                                                                           |             |
|     | - 10% tiết kiệm chi thường xuyên                                                                                                                                             |             |
|     | - Cân đối từ nguồn của đơn vị                                                                                                                                                | -           |
| 4   | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình                                                                                                                                       |             |
| 4.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                                                                                                               |             |
| 4.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                                                                                                         |             |
| 5   | Chi bảo đảm xã hội                                                                                                                                                           |             |
| 5.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                                                                                                               |             |
| 5.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                                                                                                         |             |
| 6   | Chi sự nghiệp kinh tế                                                                                                                                                        |             |
|     | .....                                                                                                                                                                        |             |
|     | Mã số đơn vị sử dụng NSNN                                                                                                                                                    | 1094083     |
|     | Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch                                                                                                                                         |             |

Ghi chú: (1) Trường hợp theo quy định phải giao tiết kiệm chi thường xuyên 10% để thực hiện cải cách